

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-PT.

Ngày: 14-9-2017.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Kim Nga

2. Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Nghị – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2017/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn”

Do Bản án sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Kim N**, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông **Mai Xuân Q**, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Xuân Q.

(Bà N và ông Q có mặt trước Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15-3-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Lê Kim N trình bày:***

1. Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu Bà và Ông Mai Xuân Q đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B,

huyện M, tỉnh Long An vào ngày 07/3/2013. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến khoảng tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do sống không hợp nhau, Ông Q chỉ lo ăn chơi, sống không quan tâm gia đình và thường xuyên ghen tuông kiểm chuyện đánh Bà. Ngày 13/3/2017 Ông Q đánh Bà phải đi nhập viện ở bệnh viện đa khoa huyện T, tỉnh Long An. Hiện nay vợ chồng Bà đã sống ly thân, mỗi người sống mỗi nơi.

Bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với Ông Q.

2. Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Mai Hoàng L, sinh ngày: 27/7/2012; Giới tính: nam. Kể từ khi cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân thì Bà là người trực tiếp nuôi con và đưa rước đi học tại trường mẫu giáo xã V, Ông Q không quan tâm tới con. Nay Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 11 tháng 4 năm 2017 bị đơn Ông Mai Xuân Q trình bày:*

Ông thừa nhận có kết hôn với Bà N và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng Ông có một con chung tên Mai Hoàng L, sinh ngày: 27/7/2012; Giới tính: nam. Thời gian đầu vợ chồng Ông sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn.

Nay Ông đồng ý thuận tình ly hôn với Bà N, Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Mai Hoàng L và không yêu cầu Bà N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng hết quả không thành.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST, ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Kim N và Ông Mai Xuân Q đồng ý thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà Lê Kim N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Mai Hoàng L, sinh ngày: 27/7/2012, giới tính: nam (cháu L đang sống chung với Bà N).

Ông Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản Ông Q thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: không có nên không đề cập đến.

5. Về án phí:

Bà Lê Kim N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003700 ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Mai Xuân Q không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 19-7-2017, bị đơn là Ông Mai Xuân Q kháng cáo không đồng ý bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, cụ thể:

- Ông Q không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt.
- Ông Q không đồng ý ly hôn với bà Lê Kim N.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Mai Xuân Q thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

- Về ông Mai Xuân Q kháng cáo không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt: Xét ông Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc ông Mai Xuân Q kháng cáo không đồng ý ly hôn bà Lê Kim N: Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Q đã phát sinh trầm trọng, bà N và ông Q đã sống ly thân từ trước Tết Nguyên đán năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cương quyết yêu cầu ly hôn ông Q, còn ông Q thì không đồng ý ly hôn

nhưng ông Q không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông Q.

- Về Điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng: Ông Q được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn không đến tham dự phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ nội dung Biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2017 tại nhà của ông Q về việc ông Q đồng ý hôn bà N để tuyên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông Q là không đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị sửa cách tuyên án về phần này và Điều luật áp dụng là Điều 56 chứ không phải Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Xuân Q, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cách tuyên án quan hệ hôn nhân và Điều luật áp dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Mai Xuân Q được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về ông Mai Xuân Q kháng cáo không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt: Xét ông Q đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc ông Mai Xuân Q kháng cáo không đồng ý ly hôn bà Lê Kim N: Xét ông Q và bà N sống chung với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/3/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 thì ông Q và bà N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Ông Q thường hay đi chơi, ghen tuông với bà N rồi về gây gỗ, đánh đập bà N và con cái. Bà N đã nhiều lần cho ông Q cơ hội để sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm trên nhưng ông Q không thực hiện. Bà N và ông Q đã sống ly thân từ trước Tết Nguyên đán năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cương quyết yêu cầu ly hôn ông Q, còn ông Q thì không đồng ý ly hôn nhưng ông Q không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn vợ chồng đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Kim N và ông Mai Xuân Q đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông Q.

[4] Về Điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ ông Q nhiều lần nhưng ông Q không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Q cũng không đến tham dự phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ nội dung Biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2017 tại nhà của ông Q về việc ông Q đồng ý hôn bà N để tuyên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông Q là không đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên án về phần này và Điều luật áp dụng là Điều 56 chứ không phải Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, ông Mai Xuân Q không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con nên phần này có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[7] Từ nhận định [2], [3], [4], [5] và [6], Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Xuân Q, sửa một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cách tuyên án quan hệ hôn nhân và Điều luật được áp dụng là Điều 56 chứ không phải Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Bà Lê Kim N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Mai Xuân Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Xuân Q.
- Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/HNGĐ-ST ngày 30-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 27, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và lệ phí và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim N về việc yêu cầu ly hôn với ông Mai Xuân Q.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Kim N và ông Mai Xuân Q chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Mai Hoàng L, sinh ngày 27/7/2012 cho bà Lê Kim N tiếp tục nuôi dưỡng, ông Mai Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Kim N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp đã nộp theo Biên lai thu số 0003700 ngày 23-3-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên không phải nộp tiếp.

Buộc ông Mai Xuân Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003870 ngày 21-7-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên không phải nộp tiếp.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành dân sự án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn